

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 695/2017/DS-PT

Ngày: 03-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Uông Văn Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Bà Phan Thị Tú Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1477/2017/QĐPT-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (có mặt);

2. Bà Đặng Thị Hải Y, sinh năm 1979 (có mặt);

Cùng cư trú tại: Số nhà 93/18 TT, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Y: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 31/3/2017).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phụng C, sinh năm 1968 – Luật gia của Hội Luật gia quận TP thuộc Hội Luật gia Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Phước S, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp BQ, xã

BT, huyện CP, tỉnh AG; địa chỉ tạm trú: Số nhà 54K ĐPT, Khu phố B, phường ALA quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Hồng C2, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh AG; địa chỉ tạm trú: Số nhà 54K ĐPT, Khu phố B, phường ALA quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hải Y (có ông T đại diện ủy quyền) trình bày:

Ông và vợ là bà Đặng Thị Hải Y làm nghề gia công và thiết kế quần áo trẻ em, ông bà có thuê một gian hàng hoạt động tại chợ Tân Bình bán sỉ hàng may mặc. Từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2017, ông bà có bán hàng nhiều đợt cho ông Lê Phước S. Tổng số hàng đã giao là 3.063.726.000 đồng, mỗi lần nhận hàng ông S phải ký nhận số lượng hàng, loại hàng và giá trị hàng quy ra tiền. Ông bà có lập 03 cuốn sổ để theo dõi: Cuốn thứ nhất để theo dõi số hàng giao và ông S ký nhận có bút tích của ông S chốt số tiền đã trả theo từng đợt. Cuốn thứ hai dùng để hai bên xác nhận số lượng hàng đã nhận và số tiền đã trả, có thể hiện chữ viết giao hàng và trả tiền của hai bên. Cuốn thứ ba là cuốn sổ ông bà lập ra để ông S theo dõi số tiền mình đã trả và cuốn sổ này không có chữ viết của ai khác ngoài ông S. Tất cả 03 cuốn sổ trên đều do ông bà lưu giữ với lý do có bút tích của ông S để tránh trường hợp ông S thêm bớt số tiền đã trả. Trong cả 03 cuốn sổ trên đều khớp với nhau về lượt trả và số tiền đã trả (khi trả đợt nào thì trừ số đã trả còn lại số tiền nợ) nhưng 03 cuốn sổ không khớp nhau về ngày trả; cuốn thứ nhất ông S tự ý ghi ngày 24/01/2017, cuốn thứ hai, ông bà theo dõi vào sổ cập nhật là ngày 21/01/2017 và cuốn thứ ba sổ theo dõi của ông S tự ghi 300.000.000 đồng vào ngày 18/01/2017. Việc ông S tự ý ghi ngày trả khác nhau nhằm để chiếm đoạt của ông bà số tiền 300.000.000 đồng nhưng con số đều thể hiện duy nhất một lần trả 300.000.000 đồng nên không thể lẫn lộn.

Nay, vợ chồng ông yêu cầu ông S trả lại cho ông bà số tiền hàng ông S còn nợ lại là 432.501.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn – ông Lê Phước S trình bày:

Ông có quan hệ làm ăn buôn bán với ông T, bà Y hai bên đã giao nhận hàng làm nhiều đợt và tổng số tiền hàng ông mua của ông T, bà Y là 3.063.726.000 đồng. Ông đã thanh toán cho phía ông T thành nhiều đợt tổng cộng số tiền đã thanh toán là 2.279.250.000 đồng. Tổng số tiền hàng không bán được trả lại là 351.975.000 đồng. Sau khi đối trừ đi số tiền đã trả, ông còn nợ lại là 432.501.000 đồng. Ông khai nhận có trả cho ông T, bà Y làm 02 lần cùng một số tiền 300.000.000 đồng, lần 01 vào ngày 18/01/2017, lần 02 vào

ngày 21/01/2017, lần 02 này ông trả cho ông T vào lúc 14 giờ chiều tại chợ AĐ nhưng do ông T không mang cuốn sổ thứ hai (là cuốn để ông cập nhật số tiền đã trả) nên ông không ghi vào được sau đó bà Y là vợ ông T có cập nhật vào cùng ngày. Do hai bên có quan hệ làm ăn quen biết với nhau và tin tưởng nên không có làm giấy tờ ký nhận. Vì vậy, trong quá trình chốt sổ khi hai bên cùng tính toán số đã lộn tiền và các số liệu không khớp với nhau. Ông khẳng định đã thanh toán cho phía ông T, bà Y tổng cộng 02 lần cùng với số tiền 300.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền còn nợ lại là 132.501.000 đồng.

Vì vậy, ông chỉ đồng ý trả cho ông T và bà Y 132.501.000 đồng, trả mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hồng C2, trình bày: Bà là vợ của ông S. Nay, đối với yêu cầu của ông T và bà Y về việc buộc ông S trả số tiền 432.501.000 đồng, bà có ý kiến như sau: Bà không liên quan vì đây là việc làm ăn buôn bán riêng của chồng bà. Bà không có ý kiến và yêu cầu gì. Do bận công việc bà xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án làm việc hòa giải, xét xử cũng như trong các buổi đối chất, công khai chứng cứ tại Tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 152/2017/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận BT quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hải Y.

Buộc ông Lê Phước S có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hải Y số tiền là 432.501.000 đồng, thi hành làm 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông T, bà Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, trường hợp ông S chưa thi hành án đối với khoản tiền này, thì hàng tháng ông S còn phải chịu thêm tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/6/2017, ông Lê Phước S và bà Nguyễn Thị Hồng C2 kháng cáo xin được trả nợ nhiều lần.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông S và bà C2 thừa nhận còn nợ ông T và bà Y số tiền 432.501.000 đồng và xin được trả nợ nhiều lần.

- Ông T và bà Y không đồng ý.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định Bộ

luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông S thừa nhận còn nợ ông T và bà Y số tiền 432.501.000 đồng và xin được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không được ông T và bà Y đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án cấp sơ thẩm không duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là thiếu sót về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày ông T, bà Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, trường hợp ông S chưa thi hành án đối với khoản tiền này thì hàng tháng ông S còn phải chịu thêm tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án là không đúng với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ông T, bà Y với ông S có quan hệ mua bán hàng hóa với nhau từ tháng 4/2016 đến tháng 01/2017, trong quá trình mua bán hàng hóa với nhau, đôi bên cùng xác nhận số tiền mua hàng là 3.063.716.000 đồng và khi đối trừ đi số tiền đã trả thì ông S còn nợ ông T và bà Y số tiền là 432.501.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông S có trách nhiệm trả cho ông T và bà Y số tiền 432.501.000 đồng là có căn cứ. Ông S kháng cáo yêu cầu được trả nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng không được ông T và bà Y đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[2] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Ngày 19/4/2017, nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ là ông Lê Phước S. Ngày 24/4/2017, Tòa án nhân dân quận BT đã ban hành Quyết định số 09/2017/QĐ-BPKCTT về việc buộc ông Lê Phước S, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh AG; địa chỉ tạm trú: Số nhà 54K ĐPT, Khu phố B, phường ALA quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cấm xuất cảnh. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là thiếu sót, cần phải bổ sung.

[3] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày ông T, bà Y có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản

tiền nêu trên, trường hợp ông S chưa thi hành án đối với khoản tiền này thì hàng tháng ông S còn phải chịu thêm tiền lãi tính theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án là không đúng với quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử sửa như sau: Trường hợp ông S chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông S là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, ông S được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 428 và 438 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Phước S.

Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hải Y.

Buộc ông Lê Phước S có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hải Y số tiền là 432.501.000 (Bốn trăm ba mươi hai triệu năm trăm lẻ một ngàn) đồng, thi hành làm 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông S chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định số 09/2017/QĐ-BPKCTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận BT về việc buộc ông Lê Phước S, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Ấp BQ, xã BT, huyện CP, tỉnh AG; địa chỉ tạm trú: Số nhà 54K ĐPT, Khu phố B, phường ALA quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cấm xuất cảnh.

3. Về án phí:

Ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 21.300.040 (Hai mươi một triệu ba trăm ngàn không trăm bốn mươi) đồng.

Ông T và bà Y không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, ông T và bà Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.650.020 (Mười triệu sáu trăm năm mươi nghìn không trăm hai mươi) đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0002140 ngày 07/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông S không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, ông S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0000612 ngày 29/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND quận BT;
- Chi cục THADS quận BT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Uông Văn Tuấn